

Số: 29 /2018/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 26 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 83/2017/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08 tháng 4 năm 2018 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1023/TTr-SNV ngày 14 tháng 4 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 83/2017/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận như sau:

1. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 3. Điều kiện, tiêu chuẩn được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải đảm bảo phù hợp với chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; trình độ, chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo phù hợp với vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, chức vụ

đương nhiệm hoặc quy hoạch và có định hướng sử dụng lâu dài sau khi đào tạo; không bị xử lý kỷ luật trong năm được cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

2. Trường hợp được cử đi đào tạo sau đại học (ngoài điều kiện, quy định tại Khoản 1 Điều này):

a) Đối với cán bộ, công chức phải đảm bảo các điều kiện:

- Cần tập trung đào tạo sau đại học đối với cán bộ, công chức lãnh đạo chủ chốt hoặc diện quy hoạch lãnh đạo chủ chốt các Sở, ban-ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;

- Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự) và có 02 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

- Không quá 40 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo sau đại học lần đầu;

- Thời gian còn tiếp tục công tác và có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo.

b) Đối với viên chức phải đảm bảo các điều kiện:

- Đã kết thúc thời gian tập sự (nếu có);

- Có năng lực và trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu dài, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị và chuyên ngành đào tạo phải phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Thời gian còn tiếp tục công tác và có cam kết thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nghề nghiệp tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo.

3. Trường hợp được cử đi đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ trình độ đại học chỉ áp dụng đối với cán bộ, công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số hoặc công tác tại các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng bãi ngang, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và phải đảm bảo điều kiện có thời gian công tác hoàn thành nhiệm vụ ở cơ quan, đơn vị ít nhất 02 năm (liền kề năm được cử đi đào tạo), có thời gian còn tiếp tục công tác và cam kết tiếp tục làm việc phục vụ cơ quan, địa phương của tỉnh ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo.

4. Cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Điều này được cử đi học theo các chương trình hợp tác với nước ngoài được cấp có thẩm quyền ký kết; ngoài các quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều này còn phải đáp ứng các điều kiện, yêu cầu khác của chương trình hợp tác".

2. Khoản 3 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"3. Giám đốc Sở Nội vụ quyết định hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo thẩm quyền quản lý đối với:

a) Cán bộ, công chức thuộc cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện;

b) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Tỉnh ủy); người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các Sở, Ban ngành".

3. Bổ sung Khoản 3a vào Điều 7 như sau:

"3a. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định (hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định theo quy định hiện hành) đối với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý (không bao gồm đối tượng thuộc điểm a Khoản 3 Điều này)".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể ngày 06. tháng 5. năm 2018.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế (Bộ Nội vụ);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh; (b/c)
- Đoàn đại biểu QH tỉnh Ninh Thuận;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan Đảng, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các ĐV sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh;
- Thường trực huyện, thành ủy;
- TT HĐND huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh, cổng TTĐT tỉnh;
- VPUB: PCVP (H.X.N);
- Lưu VT, KGVX. PD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lưu Xuân Vĩnh